**Mẫu báo cáo đề xuất cấp, cấp lại giấy phép môi trường**

**của các dự án khai thác đá**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  **Cơ quan cấp trên của chủ cơ sở**(1)    **BÁO CÁO ĐỀ XUẤT****CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**của cơ sở (2)

|  |  |
| --- | --- |
|  | **CHỦ CƠ SỞ (\*)***(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)* |

*Địa danh (\*\*), tháng … năm …* |

***Ghi chú:*** *(1) Tên cơ quan chủ quản của cơ sở; (2) Tên gọi đầy đủ, chính xác của cơ sở; (\*) Chỉ thể hiện ở trang phụ bìa báo cáo; (\*\*) Ghi địa danh cấp tỉnh/huyện/xã nơi cơ sở hoạt động hoặc nơi đặt trụ sở chính của chủ cơ sở.*

**MỤC LỤC**

**DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT**

**DANH MỤC CÁC BẢNG, CÁC HÌNH VẼ**

**CHƯƠNG I**

**THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ**

**1. Tên chủ cơ sở:** …………………………………………………………

- Địa chỉ văn phòng: ……………………………………………………….

- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở:…………………………….

- Điện thoại: …………………; Fax:……………; E-mail:..……………….

- Giấy chứng nhận đầu tư/đăng ký kinh doanh số:…..ngày……..của cơ sở hoặc các giấy tờ tương đương.

**2. Tên cơ sở**:………………………………………………………………….

- Địa điểm cơ sở: …………………………………………………………….

- Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng, các loại giấy phép có liên quan đến môi trường, phê duyệt dự án (nếu có):…………………………………………….

- Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; các giấy phép môi trường thành phần (nếu có):………………………………

- Quy mô của cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công):…………………………………………………………………………

**3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở**:

3.1. Công suất khai thác và chế biến (nếu có): ……………………………

3.2. Công nghệ khai thác và chế biến của cơ sở:………………………………

3.3. Sản phẩm của cơ sở:……………………………………………………..

4**. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu (loại phế liệu, mã HS, khối lượng phế liệu dự kiến nhập khẩu), điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở:**…………………………………………………

**5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở (nếu có**):…………………………

**CHƯƠNG II**

**SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG**

**1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường (nếu có):**

Nêu rõ sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.

**2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường (nếu có):**

Nêu rõ sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận chất thải.

***Ghi chú:*** *Đối với nội dung đã được đánh giá trong quá trình cấp giấy phép môi trường nhưng không có thay đổi, chủ cơ sở không phải thực hiện đánh giá lại và ghi là không thay đổi.*

**CHƯƠNG III**

**KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP**

**BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ**

**1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải (nếu có):**

***1.1. Thu gom, thoát nước mưa:***

- Mô tả chi tiết thông số kỹ thuật cơ bản (kết cấu, kích thước, chiều dài,…) của công trình thu gom, thoát nước mưa bề mặt; số lượng, vị trí từng điểm thoát nước mưa bề mặt ra ngoài môi trường kèm theo quy trình vận hành tại từng điểm thoát (như: tự chảy, đập xả tràn, van chặn,...) và sơ đồ minh họa;

- Mô tả các biện pháp thu gom, thoát nước mưa khác (nếu có)..

***1.2. Thu gom, thoát nước thải:***

- Công trình thu gom nước thải: Mô tả chi tiết thông số kỹ thuật cơ bản (kết cấu, kích thước, chiều dài,...) của từng tuyến thu gom nước thải sinh hoạt, công nghiệp từ nguồn phát sinh dẫn về công trình xử lý nước thải;

- Công trình thoát nước thải: Mô tả chi tiết thông số kỹ thuật cơ bản (kết cấu, kích thước, chiều dài, ...) của từng tuyến thoát nước thải trước khi xả ra môi trường tiếp nhận hoặc xả ra ngoài phạm vi của công trình xử lý chất thải;

- Điểm xả nước thải sau xử lý: Mô tả chi tiết vị trí xả nước thải; đánh giá sự đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy định đối với điểm xả nước thải/điểm đấu nối nước thải; nguồn tiếp nhận nước thải. Trường hợp nguồn tiếp nhận nước thải là công trình thủy lợi thì nêu rõ tên công trình thủy lợi, cơ quan nhà nước quản lý công trình thủy lợi; việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với công trình thủy lợi;

- Sơ đồ minh họa tổng thể mạng lưới thu gom, thoát nước thải nêu trên;

- Mô tả các biện pháp thu gom, thoát nước thải khác (nếu có).

***1.3. Xử lý nước thải:***

- Mô tả rõ từng công trình xử lý nước thải (thông thường là các hồ lắng đối với nước mưa chảy tràn và bể tự hoại đối v?i nước thải sinh hoạt) đã được xây dựng, lắp đặt hoặc hệ thống thiết bị xử lý nước thải đồng bộ, hợp khối trong trường hợp thu có cưa xẻ đá khối, trong đó làm rõ: chức năng của từng công trình; quy mô, công suất, công nghệ, quy trình vận hành và chế độ vận hành của công trình (có sơ đồ minh họa quy trình công nghệ xử lý);

- Mô tả các biện pháp xử lý nước thải khác (nếu có).

**2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải (nếu có):**

Đối với từng công trình xử lý bụi cần làm rõ:

- Công trình xử lý bụi đã được xây dựng, lắp đặt (hệ thống phun sương nếu có).

- Các biện pháp giảm thiểu bụi quá trình nổ mìn, vận chuyển trên đường giao thông, khai thác, chế biến đá.

- Mô tả các biện pháp xử lý bụi, khí thải khác (nếu có).

**3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường:**

- Mô tả rõ từng công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, gồm: Mô tả chức năng, các thông số kỹ thuật cơ bản, đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong quá trình lưu giữ chất thải;

- Công trình xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường tự phát sinh trong khuôn viên cơ sở (nếu có): Mô tả chức năng, quy mô, công suất, công nghệ, các thông số kỹ thuật cơ bản kèm theo quy trình vận hành;

- Báo cáo về chủng loại, khối lượng chất thải rắn thông thường (rác thải sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường,…) phát sinh tại cơ sở;

- Mô tả các biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường khác (nếu có).

**4. Công trình, biện pháp lưu giữ chất thải nguy hại:**

- Mô tả rõ từng công trình lưu giữ chất thải nguy hại, gồm: Mô tả chức năng, các thông số kỹ thuật cơ bản nhằm đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường;

- Báo cáo về chủng loại, tổng khối lượng chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở (kg/năm và kg/tháng);

- Mô tả các biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại khác (nếu có).

**5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung (nếu có):**

- Các công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung trong quá trình nổ mìn khai thác đá, chế biến đá.

- Quy chuẩn, tiêu chuẩn (nếu có) áp dụng đối với tiếng ồn, độ rung của cơ sở.

**6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:**

# ***6.1 Kỹ thuật an toàn và phòng chống cháy nổ***

- Thực hiện cam kết theo QCVN 02:2008/BCT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong bảo quản, vận chuyển, sử dụng và tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp và QCVN 04:2009/BCT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong khai thác mỏ lộ thiên.

- Phân công giám đốc điều hành mỏ để phụ trách công việc tại công trường;

- Trước khi đưa công nhân vào khai thác phải tổ chức học an toàn và kiểm tra sát hạch theo quy định hiện hành của pháp luật về an toàn lao động để biết và thực hiện trong quá trình làm việc, hàng năm tổ chức huấn luyện nhắc lại một lần. Kết quả học tập phải được ghi vào sổ theo dõi, có chứ kí của người lao động và người huấn luyện. Chỉ người đạt yêu cầu trở lên mới được giao công việc;

- Tuyệt đối tuân thủ quy trình, quy phạm khai thác;

- Trang bị đầy đủ phương tiện phòng chống cháy nổ ở những nơi cần thiết theo quy định;

- Khi giao việc mỗi ca, cán bộ chỉ huy (giám đốc điều hành mỏ) ghi vào sổ phân công hoặc phiếu giao việc cho từng công nhân, trong đó biện pháp an toàn được ghi cụ thể, người giao hay nhận việc đều phải ký vào sổ, phiếu giao việc;

- Khi bố trí công nhân vào làm việc, cán bộ chỉ đạo sản xuất trực tiếp sẽ xem xét kỹ hiện trường, đảm bảo an toàn mới bố trí công nhân làm việc;

- Khi làm việc, công nhân được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động và nghiêm chỉnh chấp hành những qui định an toàn lao động;

- Khi bẫy gỡ đá trên tầng, bố trí người canh gác không để cho người và thiết bị qua lại khu vực nguy hiểm;

- Công nhân điều khiển máy khoan phải mặc quần áo gọn gang. Khi mở lỗ khoan phải cho máy chạy chậm và tăng tốc độ dần đến ổn định. Cấm dùng tay mở choòng khi mở lỗ.

# ***6.2 Tại khu vực hồ lắng nước mưa chảy tràn***

+ Xây dựng bờ bao chống sạt lở, rào chắn (thép B40), đồng thời trồng dải cây xanh xung quanh khu vực hồ lắng (như đã nêu ở phần giảm thiểu của báo cáo này), đặt các biển báo nguy hiểm để người dân biết và phòng tránh các tai nạn có thể xảy ra.

+ Không cho chăn thả gia súc trong khu vực;

+ Nghiêm cấm không cho trẻ em và người không phận sự vào khu vực dự án, đặc biệt là khu vực hồ lắng.

+ Phương tiện ra vào phải tuân thủ quy định hoạt động của mỏ.

# ***6.3 Tại khu vực mỏ***

 - Trồng cây phục hồi môi trường theo từng giai đoạn tại các khu vực đã khai thác để cố kết đất, đá.

 - Không cho các loại thiết bị có tải trọng lớn như xe xúc, xe ủi,… làm việc sát mép bờ dừng khai thác, khoảng cách tối thiểu tính từ vị trí máy hoạt động đến mép bờ dừng là > 5m.

 - Trường hợp đã xảy ra sự cố sạt lở bờ dừng khai thác thì đơn vị khai thác sẽ nhanh chóng khắc phục để tránh hiện tượng nước mưa chảy tràn gây sa bồi, thủy phá khu vực vùng hạ lưu.

- Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về an toàn trong khai thác.

# ***6.4 An toàn lao động đối với con người trong khai thác***

- Thực hiện cam kết theo QCVN 02:2008/BCT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong bảo quản, vận chuyển, sử dụng và tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp và QCVN 04:2009/BCT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong khai thác mỏ lộ thiên.

- Thực hiện các biện pháp cảnh báo, bảo vệ theo quy định trước khi nổ mìn, thông báo rộng rãi cho công nhân và nhân dân trong vùng;

- Phân công giám đốc điều hành mỏ để phụ trách công việc tại công trường;

- Nổ mìn theo giờ qui định trong giờ làm việc, trong giờ nổ mìn tuyệt đối nghiêm cấm người không có phận sự qua lại trong khu vực nguy hiểm về nổ mìn theo tính toán ở trên;

- Lập hộ chiếu khoan nổ mìn đầy đủ, chính xác theo qui định và phải được người có thẩm quyền phê duyệt. Tuyệt đối chấp hành theo hộ chiếu đã được duyệt;

- Có tín hiệu cảnh báo xung quanh bán kính an toàn đá văng và sóng chấn động như thiết kế trước khi nổ mìn;

- Khi nổ mìn công nhân luôn tuân thủ quy trình, quy định khoan nổ mìn áp dụng cho công nghệ khai thác mỏ lộ thiên và được trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ lao động;

- Khi giao việc mỗi ca, cán bộ chỉ huy (giám đốc điều hành mỏ) ghi vào sổ phân công hoặc phiếu giao việc cho từng công nhân, trong đó biện pháp an toàn được ghi cụ thể, người giao hay nhận việc đều phải ký vào sổ, phiếu giao việc;

- Khi bố trí công nhân vào làm việc, cán bộ chỉ đạo sản xuất trực tiếp sẽ xem xét kỹ hiện trường, đảm bảo an toàn mới bố trí công nhân làm việc;

- Khi làm việc, công nhân được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động và nghiêm chỉnh chấp hành những qui định an toàn lao động;

- Trước khi cắt tầng mới sẽ tiến hành kiểm tra sườn tầng và mặt tầng, cách mép tầng 0,5m không để những hòn đá hoặc bất cứ vật gì có thể rơi xuống tầng dưới;

- Khi bẫy gỡ đá trên tầng, bố trí người canh gác không để cho người và thiết bị qua lại khu vực nguy hiểm;

- Không bố trí người và phương tiện thiết bị làm việc ở tầng trên và dưới ở cùng một thời điểm trên mặt tuyến;

- Những người bẩy gỡ đá trên cùng một tầng được bố trí cách xa nhau ít nhất 6m và gỡ đá theo thứ tự trên xuống dưới;

- Thường xuyên giáo dục ý thức giữ gìn sức khoẻ và bảo vệ môi trường cho cán bộ công nhân viên tại mỏ;

- Trang bị đầy đủ các loại bảo hộ lao động cho người sản xuất, tổ chức khám sức khoẻ định kỳ để sớm phát hiện các bệnh nghề nghiệp cho công nhân;

- Thường xuyên liên hệ với chính quyền và nhân dân địa phương để thu thập ý kiến của cộng đồng dân cư trong khu vực về công tác bảo vệ môi trường và tìm biện pháp khắc phục.

# ***. Giảm thiểu sự cố sạt lỡ đá văng***

- xây dựng kè chắn khu vực lưu chứa có nguy cơ sạt lỡ,…

- cam kết thực hiện đúng quy trình khai thác, nổ mìn đúng thời gian quy trình và thời gian quy định.

- Cam kết không khai thác trong ngày mưa lớn, bão lũ,…

**7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác (thường dành cho các cơ sở có chế biến đá):**

Mô tả các công trình bảo vệ môi trường khác (nếu có), trong đó phải làm rõ chức năng, các thông số kỹ thuật cơ bản của công trình. Mô tả các biện pháp bảo vệ môi trường khác áp dụng đối với cơ sở.

**8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (nếu có):**

Nêu rõ các nội dung thay đổi của cơ sở so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường nhưng chưa đến mức phải thực hiện đánh giá tác động động môi trường.

**9. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học (nếu có):**

Phần này báo cáo về kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học đã đề xuất trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

- Các mục tiêu đạt được của công trình cải tạo phục hồi môi trường:

+ Tại các hồ lắng và mương thoát nước sau khi san lấp đạt được độ bằng phẳng tương đối so với bề mặt địa hình.

+ Tại các khu vực khai thác, sau khi san gạt đất trên bề mặt có độ bằng phẳng tạo điều kiện thuận lợi cho công tác trồng cây phục hồi môi trường.

+ Các công trình phụ trợ tại SCN được tháo dỡ đúng quy cách tạo mặt bằng thông thoáng, bằng phẳng để trồng cây phục hồi môi trường.

+ Sau khi trồng rừng phục hồi môi trường công ty sẽ tiến hành chăm sóc trong 5 năm:

 . Năm thứ nhất: Thực hiện 1 lần sau khi trồng xong và phải thực hiện trước 31/12. Tiến hành dẫy cỏ, xới đất và vun xung quanh gốc cây trong phạm vi đường kính 0,6m; cắt và gỡ dây leo quấn vào cây trồng và tiến hành trồng dặm.

. Năm thứ hai: Thực hiện 2 lần

Lần 1: Tiến hành từ tháng 2 và phải xong trước 30/3. Phát thực bì toàn diện; cắt và gỡ dây leo quấn vào cây trồng;

Lần 2: Tiến hành từ tháng 9 và phải xong trước 30/11. Phát thực bì toàn diện; cắt và gỡ dây leo quấn vào cây trồng; dẫy cỏ, xới đất xung quanh gốc cây trong phạm vi đường kính 1m và vun gốc trong phạm vi này; bón thúc 100g phân NPK/cây. Cách bón: Đào rãnh phía trên dốc hình vòng cung rộng 10cm, sâu 10-15 cm, dài 30 cm, cách gốc 25-30 cm, rắc phân vào sau đó lấp đất kín. Tiến hành trồng dặm.

. Năm thứ ba: Thực hiện 2 lần

Lần 1: Tiến hành từ tháng 2 và phải xong trước 30/3. Phát thực bì toàn diện; cắt và gỡ dây leo quấn vào cây trồng.

Lần 2: Tiến hành từ tháng 9 và phải xong trước 30/11. Phát thực bì toàn diện; cắt và gỡ dây leo quấn vào cây trồng; dẫy cỏ trong phạm vi đường kính 1m và vun gốc trong phạm vi này, kết hợp tỉa bớt những cành lòa xòa phía dưới. Bón thúc 100g phân NPK/cây. Cách bón tương tự chăm sóc lần 2 năm 2, cách gốc 35 – 40 cm.

. Năm thứ tư: Thực hiện 1 lần vào tháng 9 – 11. Tiến hành phát thực bì toàn diện; cắt và gỡ dây leo quấn vào cây trồng.

 Đến khi hết thời gian kiến thiết cơ bản (sau khi rừng hết thời gian chăm sóc) và đã thành rừng. Chủ đầu tư sẽ báo cáo với Sở Tài nguyên và Môi trường để tiến hành kiểm tra xác nhận hoàn thành công tác phục hồi môi trường trước khi bàn giao lại rừng trồng cho Ban quản lý rừng xã Cát Hanh để quản lý và sử dụng theo quy định.

 - Biện pháp quản lý, bảo vệ các công trình cải tạo, phục hồi môi trường sau khi kiểm tra, xác nhận:

+ Công ty sẽ tiến hành san gạt mặt bằng, tháo dỡ kè chắn và trồng rừng keo lai trên diện tích thuộc quy hoạch chức năng rừng sản xuất theo từng khu.

+ Sau khi khai thác xong, tiến hành công tác tháo dỡ kho mìn và san gạt mặt bằng, san lấp hồ lắng, hệ thống mương thoát nước, tháo dỡ kè chắn bãi thải đồng thời hoàn thành công tác trồng cây trên phần diện tích còn lại thuộc Quy hoạch chức năng rừng sản xuất của Dự án. Chủ dự án báo cáo lên các cấp có thẩm quyền đề nghị tổ chức giám định và xác nhận đã hoàn thành các nội dung của phương án cải tạo, phục hồi môi trường.

+ Chủ đầu tư thuê đơn vị có đủ chức năng, năng lực để thực hiện thi công trồng và chăm sóc rừng. Chủ đầu tư trực tiếp quản lý phương án cải tạo phục hồi môi trường.

+ Sau 05 năm, Chủ dự án báo cáo lên các cấp có thẩm quyền đề nghị tổ chức giám định các công trình cải tạo, phục hồi môi trường để kiểm tra, xác nhận hoàn thành các nội dung của phương án cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định.

I.1. Chi phí cải tạo, phục hồi môi trường khai trường khai thác (Mkt)

- Chi phí cải tạo, phục hồi môi trường khu vực khai trường được tính như sau:

Mkt = Cs + Ccd + CTDĐT +Cc+ CBB (đồng).

a) CS: Chi phí san lấp mương thoát nước , hồ lắng: Cs= V.(cs + cv) (đồng)

Trong đó:

+ V: Khối lượng đất để san lấp mương thoát nước ở khai trường và các hồ lắng (m3)

+ Cs: chi phí san lấp 100 m3 đất (đồng/100m3)

+ Cv: chi phí xúc đất lên xe ô tô và vận chuyển đất từ bãi thải để san lấp hồ lắng và hệ thống mương thoát nước (đồng/ 100m3).

b) Ccd: Chi phí cải tạo đất Ccd = S.d.(cd + cv + cs) (đồng)

Trong đó:

S: Diện tích khai trường (m2), S = 46.000 m2

d: Chiều dày lớp đất màu cần phủ (m), d=0,5m;

cd: đơn giá 1m3 đất màu (đồng/m3)

Lớp đất màu được lấy từ lớp đất khi bóc bỏ lớp đất tầng phủ, lưu giữ tại bãi thải để hoàn thổ phục hồi môi trường tại khu vực khai trường, Chủ đầu tư không phải bỏ ra bất cứ chi phí nào để mua đất mặt, hay ta có cd = 0 (đồng/m3).

cs: chi phí san gạt đất màu cải tạo đất bề mặt khai trường (đồng/100m3),

cv: chi phí vận chuyển đất màu đến khai trường (đồng/100 m3).

c) CTDĐTr: Chi phí tháo dỡ, cạy bảy treo còn sót lại tại các sườn tầng khai thác

CTDĐTr = STD × 0,5 x ( ccb + cvc)

Trong đó:

+ CTDĐTr: Khối lượng đá cần cạy bẩy, m3.

+ STD: Diện tích sườn tầng cần tháo dỡ, cạy bẩy, m2

+ 0,5: Chiều dày đá

+ ccb: Chi phí tháo dỡ, cạy bảy đá quá cỡ còn sót lại tại các sườn tầng bằng máy khoan con, khoan nổ mìn, (đồng/100m3)

+ cvc: chi phí vận chuyển đá sau khi tháo dỡ, cạy bẩy bằng ô tô tự đổ 5T trong phạm vi <=300m (đồng/100m3).

d) Cc : Chi phí trồng cây xanh Cc = Cck + Cctl (đồng)

 Với Cck : chi phí trồng cây keo lai Cck = S. cc

 Cctl : Chi phí trồng cây thằn lằn Cctl = T. cctl

e) CBB: Chi phí lắp đặt biển báo CBB = BB. (cbb + ccd) (đồng)

 Trong đó:

BB: số lượng biển báo (cái), BB = 04 cái

cbb: chi phí lắp đặt biển báo (đồng/cái)

ccd : chi phí lắp đặt cột đỡ (đồng/cái)

I.2. Chi phí cải tạo, phục hồi môi trường mặt bằng sân công nghiệp và khu vực phụ trợ (Mcn)

Mcn = CSL +Ctd + Ccd + Cc + CBB (đồng)

a) CSL: Chi phí san lấp mương thoát nước, hồ lắng

b) Ctd: Chi phí tháo dỡ các công trình công nghiệp và dân dụng:

 c) Ccd: Chi phí cải tạo đất: Ccd = S.d.(cd + cv + cs) (đồng)

 d. CBB: Chi phí lắp đặt biển báo CBB = BB. (cbb + ccd) (đồng)

 Trong đó:

BB: số lượng biển báo (cái)

cbb: chi phí lắp đặt biển báo (đồng/cái)

ccd : chi phí lắp đặt cột đỡ (đồng/cái).

I.3. Chi phí cải tạo, phục hồi môi trường khu vực bãi thải (Mbt)

 Do phương pháp khai thác đá làm vật liệu xây dựng là khai thác mỏ lộ thiên, đất đá thải được tập trung tại bãi thải trong của khu vực dự án. Do đó thông thường chỉ tính chi phí tháo dỡ kè chắn bãi thải và bờ bao các hồ lắng:

Mbt = Mkc x (Ctd xCvc)

Với Ctd: Chi phí tháo dỡ.

Cvc : Chi phí vận chuyển.

Mkc : Khối lượng của kè chắn của các bãi thải.

 I.4. Chi phí cải tạo, phục hồi môi trường ngoài biên giới khu mỏ nơi bị ảnh hưởng do hoạt động khai thác (Mxq)

Mxq: Chi phí cải tạo, phục hồi môi trường khu vực ngoài biên giới mỏ nơi bị ảnh hưởng do hoạt động khai thác (là chi phí: nạo vét, khơi thông các dòng thủy vực, duy tu bảo dưỡng các tuyến đường vận chuyển, trồng cây tái tạo lại hệ sinh thái, thảm thực vật tại các khu vực xung quanh mỏ…).

I.5. Chi phí hành chính phục vụ cho công tác cải tạo phục hồi môi trường, chi phí thiết kế, thẩm định thiết kế; chi phí dự phòng do phát sinh khối lượng; chi phí vận hành hệ thống xử lý nước thải; chi phí duy tu, bảo trì các công trình cải tạo, phục hồi môi trường sau khi kết thúc hoạt động cải tạo phục hồi môi trường(Mhc)

 Mhc = Ctk+CDP+ CDTCTCTPHMT

a. Ctk: Chi phí hành chính, chi phí thiết kế phục vụ cho công tác cải tạo phục hồi môi trường; chi phí thẩm định thiết kế: Ctk = Chctk + Ctđtk (đồng)

 b. CDP: Chi phí Dự phòng cho phát sinh khối lượng

 Chi phí dự phòng cho phát sinh khối lượng của phương án được tính toán dựa theo Thông tư số 06/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình.

c. CDTCTCTPHMT: chi phí duy tu, bảo trì các công trình cải tạo, phục hồi môi trường sau khi kết thúc hoạt động cải tạo phục hồi môi trường

I.6. Chi phí đo vẽ địa hình khi kết thúc (MĐH), MĐH = S\*mđh (đồng)

 Sau khi kết thúc quá trình cải tạo phục hồi môi trường, công ty sẽ tiến hành đo vẽ địa hình tại khu vực cải tạo phục hồi môi trường để báo cáo các cấp có thẩm quyền tổ chức xác nhận hoàn thành phương án cải tạo phục hồi môi trường

 b. Quy trình ký quỹ CTPHMT hằng năm

Theo điểm b, c khoản 6 điều 37 của Nghị định số 08/2022/NĐ- CP ngày 10/1/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của luật bảo vệ môi trường

**8. CÁC NỘI DUNG THAY ĐỔI SO VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG.**

**8.1 Các nội dung thay đổi của dự án**

Các nội dung thay đổi của dự án đầu tư so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường được thể hiện cụ thể tại bảng thống kê dưới đây:

Bảng: Các công trình bảo vệ môi trường của dự án đã được điều chỉnh, thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên công trình bảo vệ môi trường** | **Phương án đề xuất trong báo cáo ĐTM** | **Phương án điều chỉnh, thay đổi đã thực hiện** |
| 1. | Công trình thu gom nước mưa chảy tràn |  |  |
| 2. | Bãi thải chứa đất phục hồi môi trường |  |  |
| 3. | Công trình thu gom chất thải rắn nguy hại |  |  |
| 4 | Công trình xử lý bụi và khí thải |  |  |
| 5 | Công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường |  |  |
| 6 | …. |  |  |

8.2 Đánh giá tác động đến môi trường từ việc thay đổi nội dung so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giác tác động môi trường.

**CHƯƠNG IV**

**NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải (nếu có):**

- Nguồn phát sinh nước thải: Nêu rõ từng nguồn phát sinh nước thải (sinh hoạt, công nghiệp) đề nghị cấp phép.

+ Nguồn số 01:

+ Nguồn số 02:

……………….

- Lưu lượng xả nước thải tối đa: Nêu rõ lưu lượng xả nước thải tối đa đề nghị cấp phép.

- Dòng nước thải: Nêu rõ số lượng dòng nước thải đề nghị cấp phép (là dòng nước thải sau xử lý được xả ra môi trường tiếp nhận hoặc xả vào công trình xử lý nước thải khác ngoài phạm vi cơ sở).

- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải: Nêu rõ các chất ô nhiễm đề nghị cấp phép và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải, đảm bảo phù hợp với tính chất của cơ sở, nguồn thải và quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

- Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải: Ghi rõ vị trí xả nước thải (có tọa độ địa lý), phương thức xả thải (tự chảy, xả cưỡng bức), nguồn tiếp nhận nước thải hoặc công trình xử lý nước thải khác ngoài phạm vi cơ sở.

**2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải (nếu có):**

- Nguồn phát sinh khí thải: Nêu rõ từng nguồn phát sinh khí thải đề nghị cấp phép.

+ Nguồn số 01:

+ Nguồn số 02:

……………….

- Lưu lượng xả khí thải tối đa: Nêu rõ lưu lượng xả khí thải tối đa đề nghị cấp phép.

- Dòng khí thải: Nêu rõ số lượng dòng khí thải đề nghị cấp phép (là dòng khí thải sau xử lý được xả ra môi trường)

- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải: Nêu rõ các chất ô nhiễm đề nghị cấp phép và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải, đảm bảo phù hợp với tính chất của cơ sở, nguồn thải và quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

- Vị trí, phương thức xả khí thải: Ghi rõ vị trí xả khí thải (có tọa độ địa lý), phương thức xả thải.

**3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung (nếu có):**

- Nguồn phát sinh: Nêu rõ từng nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung chính đề nghị cấp phép.

- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung: Nêu rõ giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung theo quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

**CHƯƠNG V**

**KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ**

**1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải.**

Lập bảng tổng hợp các kết quả quan trắc nước thải định kỳ trong 02 năm liền kề trước thời điểm lập báo cáo đề xuất, trong đó phải nêu rõ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường áp dụng để đánh giá nguồn thải.

**2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải.**

Lập bảng tổng hợp các kết quả quan trắc bụi, khí thải định kỳ trong 02 năm liền kề trước thời điểm lập báo cáo đề xuất, trong đó phải nêu rõ quy chuẩn kỹ thuật môi trường áp dụng để đánh giá nguồn thải.

**3. Kết quả quan trắc môi trường trong quá trình lập báo cáo** *(Chỉ áp dụng đối với cơ sở không phải thực hiện quan trắc chất thải theo quy định)***:**

Lập bảng tổng hợp kết quả quan trắc nước thải, bụi, khí thải trong quá trình lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường. Nêu rõ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường áp dụng để đánh giá nguồn thải.

**CHƯƠNG VI**

**CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ**

*Các cơ sở khai thác đá thường không thuộc đối tượng thực hiện quan trắc tự động liên tục, quan trắc định kỳ; các cơ sở có chế biến rà soát thực hiện theo quy định*

**CHƯƠNG VII**

**KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

**ĐỐI VỚI CƠ SỞ**

*Phần này nêu rõ các đợt kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường của cơ quan có thẩm quyền đối với cơ sở trong 02 năm gần nhất trước thời điểm lập báo cáo và đính kèm các quyết định, kết luật kiểm tra, thanh tra (nếu có). Trường hợp có vi phạm về bảo vệ môi trường thì nêu rõ việc khắc phục vi phạm.*

**CHƯƠNG VIII**

**CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ**

*Phần này nêu rõ các cam kết của chủ cơ sở về các nội dung:*

*- Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.*

*- Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan.*

**PHỤ LỤC BÁO CÁO**

**Phụ lục 1:**

- Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc các giấy tờ tương đương;

- Giấy tờ về đất đai hoặc bản sao hợp đồng thuê đất của cơ sở theo quy định của pháp luật.

- Bản vẽ hoàn công công trình bảo vệ môi trường, công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật;

- Các chứng chỉ, chứng nhận, công nhận của các công trình, thiết bị xử lý chất thải đồng bộ được nhập khẩu hoặc đã được thương mại hóa (nếu có);

- Biên bản nghiệm thu, bàn giao các công trình bảo vệ môi trường hoặc các văn bản khác có liên quan đến các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở;

- Sơ đồ vị trí lấy mẫu của chương trình quan trắc môi trường;

- Văn bản về quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường, khả năng chịu tải của môi trường chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành;

- Các phiếu kết quả quan trắc môi trường tại cơ sở;

- Bản sao báo cáo đánh giá tác động môi trường (trừ dự án được phê duyệt theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường) và bản sao quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án; các giấy phép môi trường thành phần (nếu có).

- Bản đồ vị trí khu vực khai thác mỏ (tỷ lệ 1/5.000 hoặc 1/10.000); Bản đồ địa hình có (hoặc không có) lộ vỉa khu mỏ (tỷ lệ 1/1.000 hoặc 1/2.000); Bản đồ kết thúc từng giai đoạn khai thác; Bản đồ tổng mặt bằng mỏ (tỷ lệ 1/2.000 hoặc 1/5.000), có thể hiện tất cả các hạng mục công trình và mạng kỹ thuật; Bản đồ kết thúc khai thác mỏ (tỷ lệ 1/2.000 hoặc 1/5.000); Bản đồ tổng mặt bằng hiện trạng mỏ (tỷ lệ 1/2.000 hoặc 1/5.000), có thể hiện tất cả các hạng mục công trình và mạng kỹ thuật; Bản đồ vị trí khu vực cải tạo, phục hồi môi trường (tỷ lệ 1/5.000 hoặc 1/10.000); Bản đồ cải tạo, phục hồi môi trường theo từng giai đoạn, từng năm; Bản đồ hoàn thổ không gian đã khai thác (tỷ lệ 1/1.000 hoặc 1/2.000).